

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020**  
**của thành phố Buôn Ma Thuột**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về Danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; danh mục đầu tư có sử dụng đất phải chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1665b/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thành phố Buôn Ma Thuột;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 75/TTr-STNMT ngày 27 tháng 02 năm 2020; UBND thành phố Buôn Ma Thuột tại Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Buôn Ma Thuột với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích tự nhiên: 37.709,64 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 28.674,70 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 8.995,31 ha;
- Đất chưa sử dụng: 39,63 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

2. Kế hoạch thu hồi đất: Tổng diện tích thu hồi đất: 873,78 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 844,33 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 29,45 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: 382,32 ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 2,65 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục 3)

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, UBND thành phố Buôn Ma Thuột có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất, danh mục công trình, dự án sử dụng đất phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; Thông báo thu hồi đất cho người sử dụng đất có đất bị thu hồi biết theo đúng nội dung và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 trước khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất để giao đất thực hiện công trình, dự án.

- Thông báo cho chủ đầu tư dự án thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; tăng cường thanh tra, kiểm tra đất đai, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Trường hợp phải điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất thì UBND thành phố Buôn Ma Thuột báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- UBND thành phố Buôn Ma Thuột chịu trách nhiệm về sự phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố được duyệt của vị trí các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

**Điều 3.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải Quyết định lên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột, Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các phòng: TH, CN, KT;
- Lưu: VT, NN&MT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Giang Gry Niê Knong**

